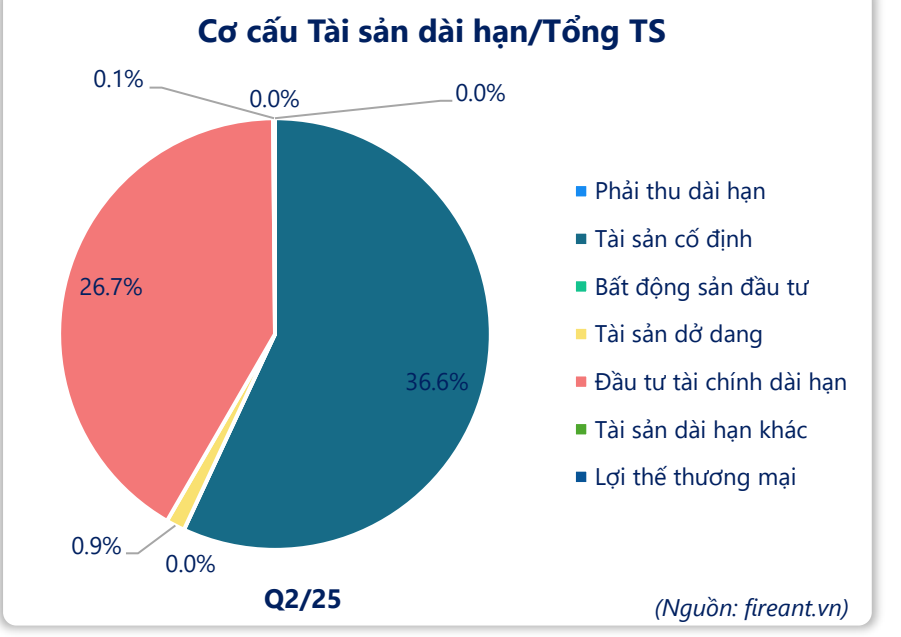
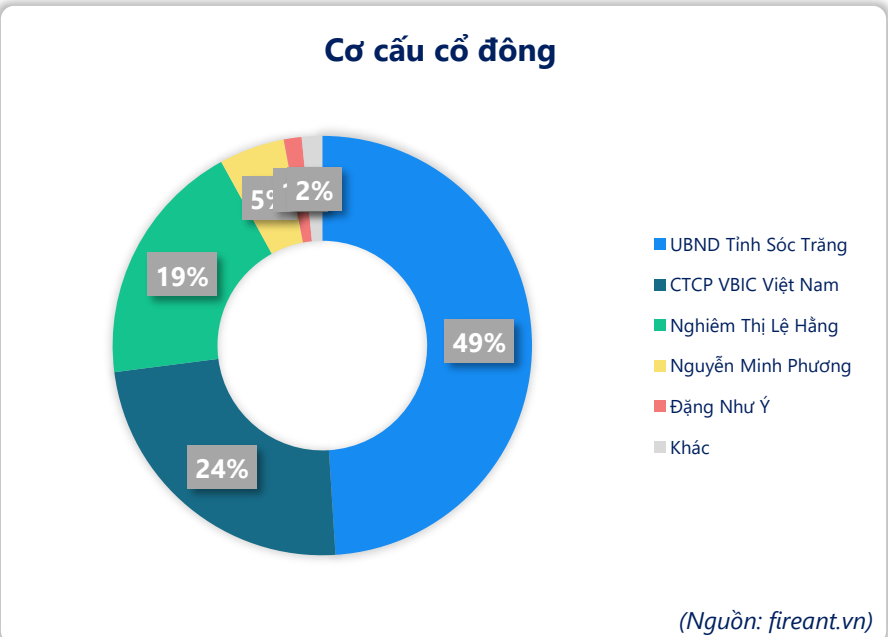
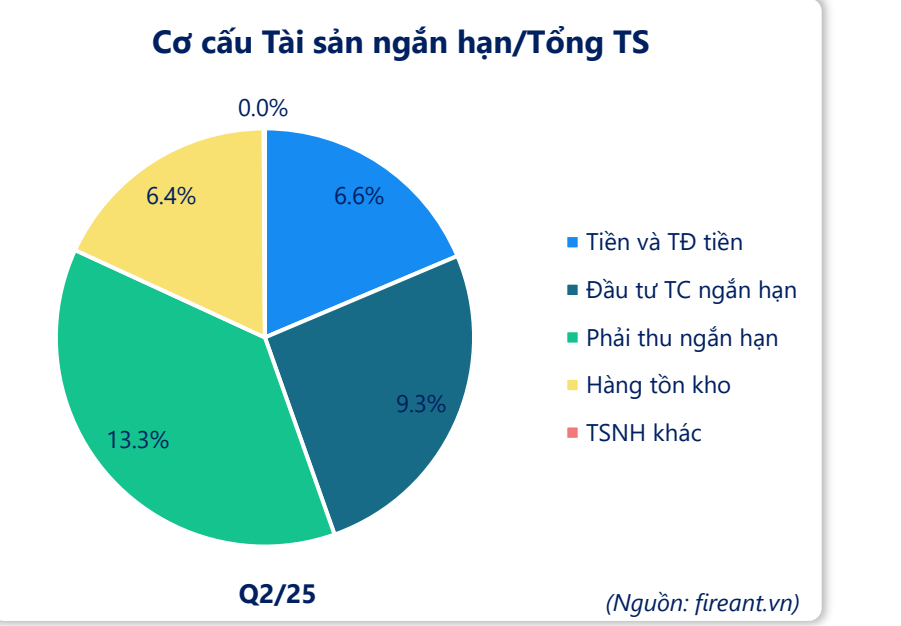
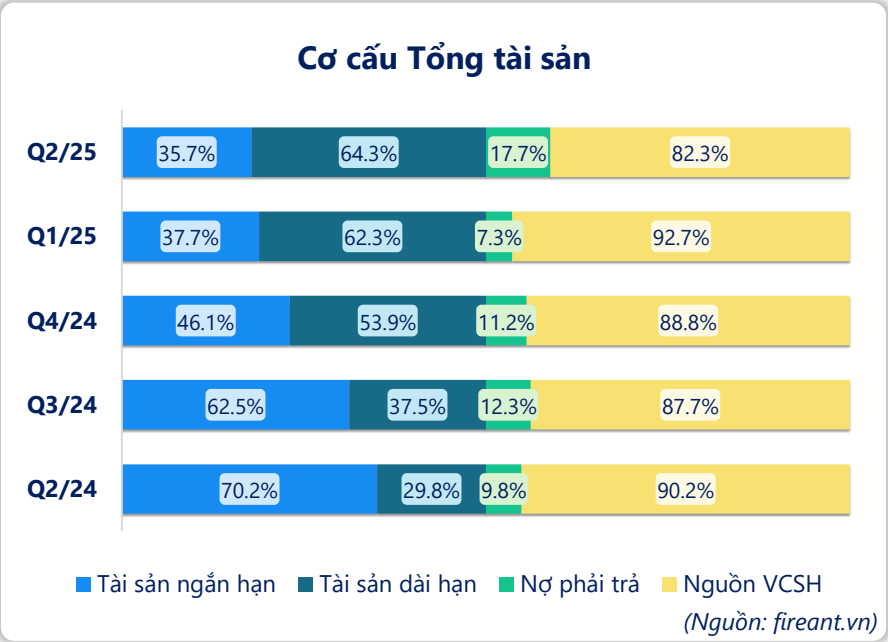
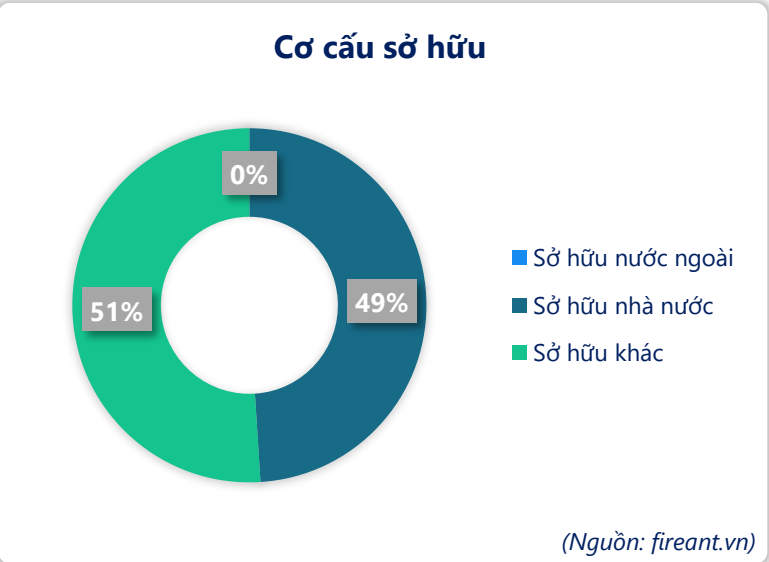
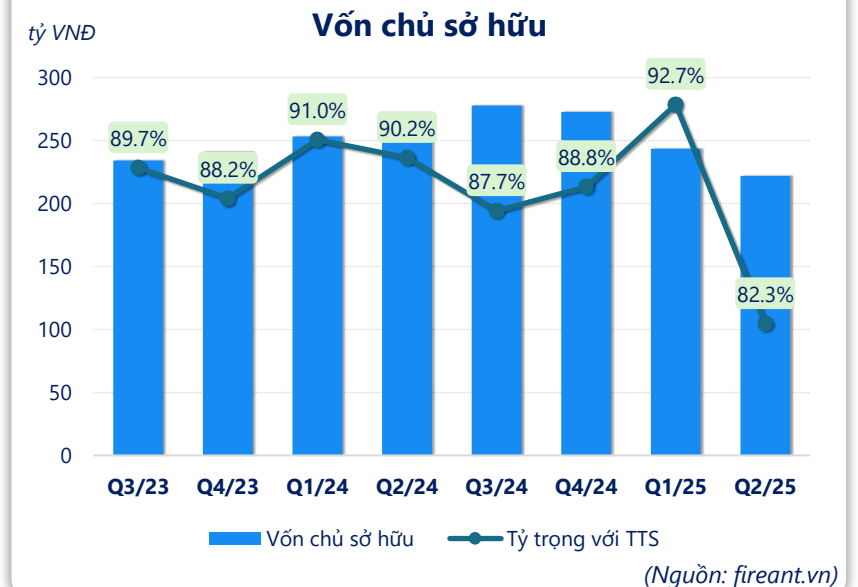
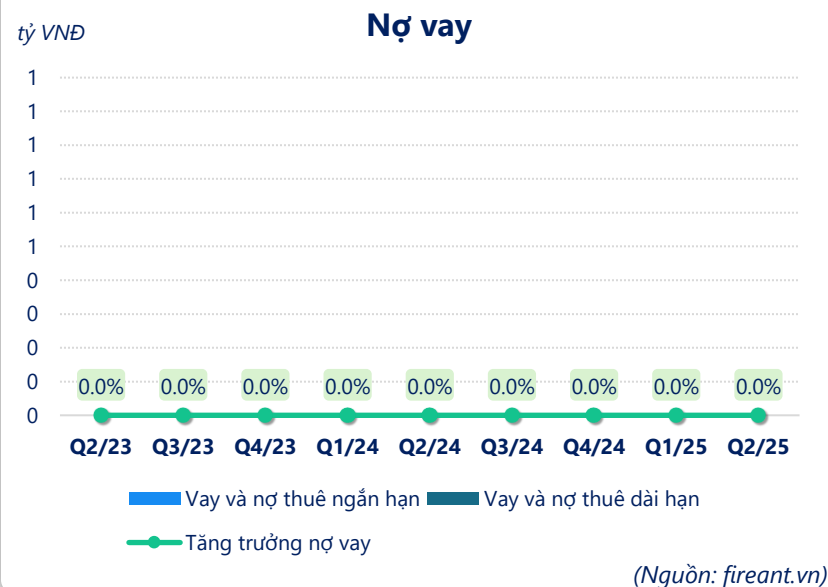
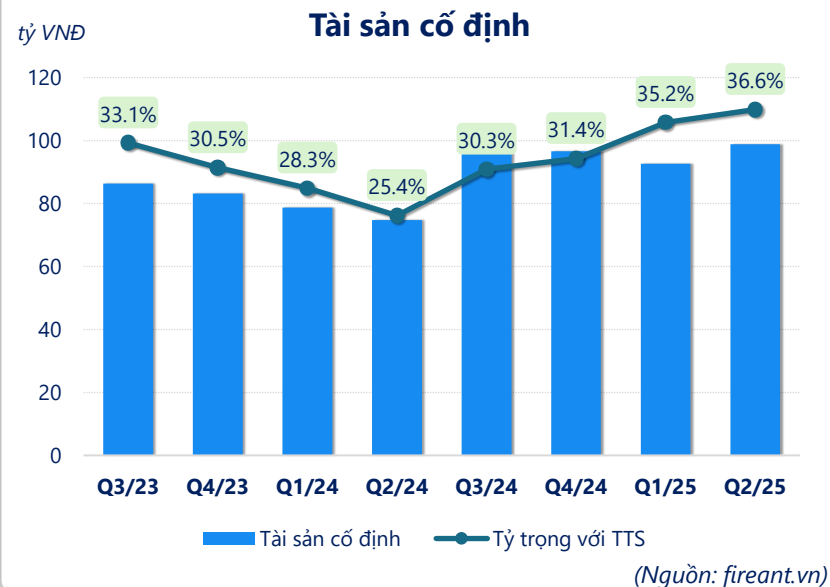
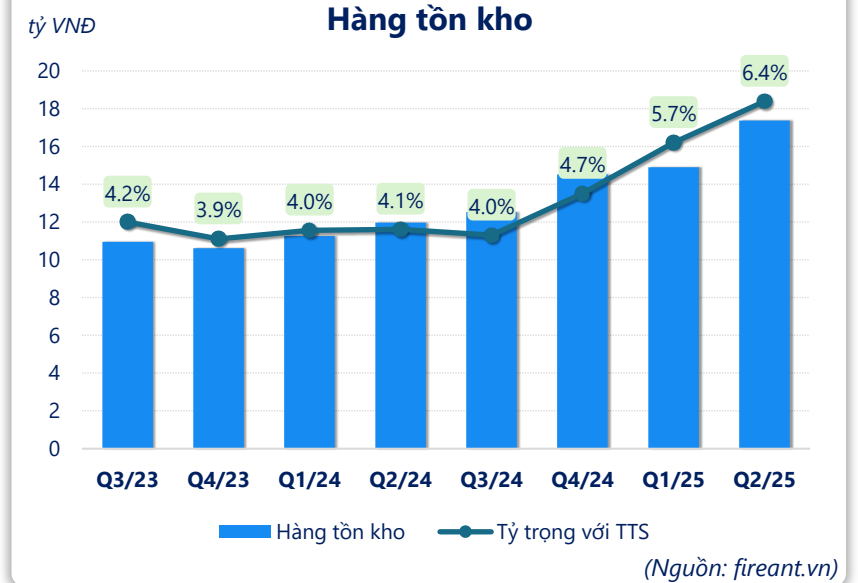
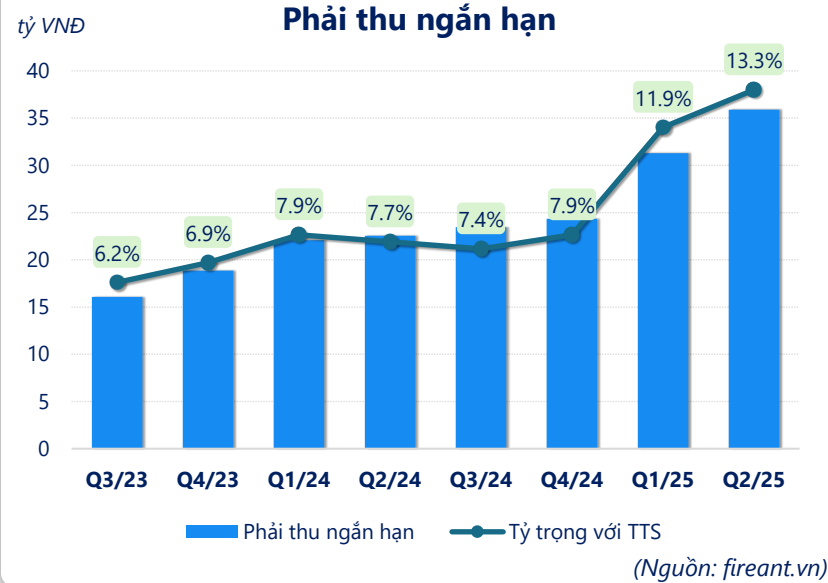
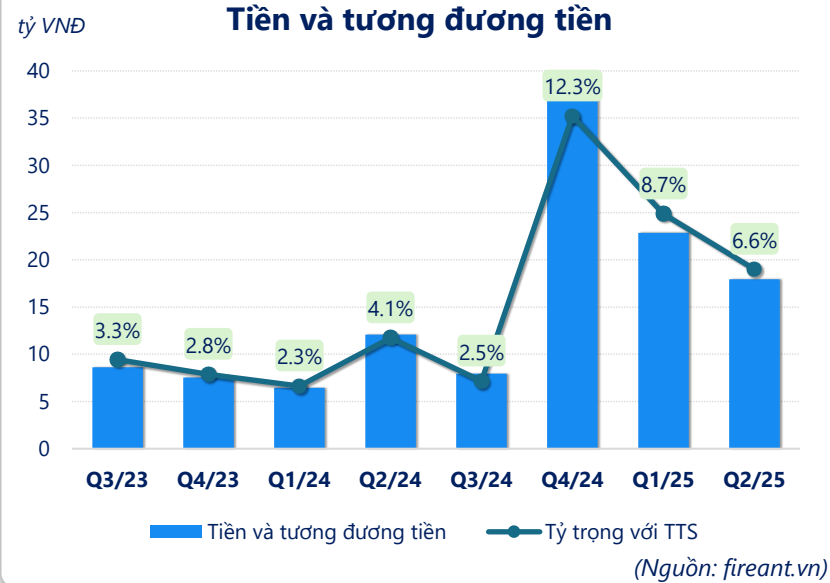
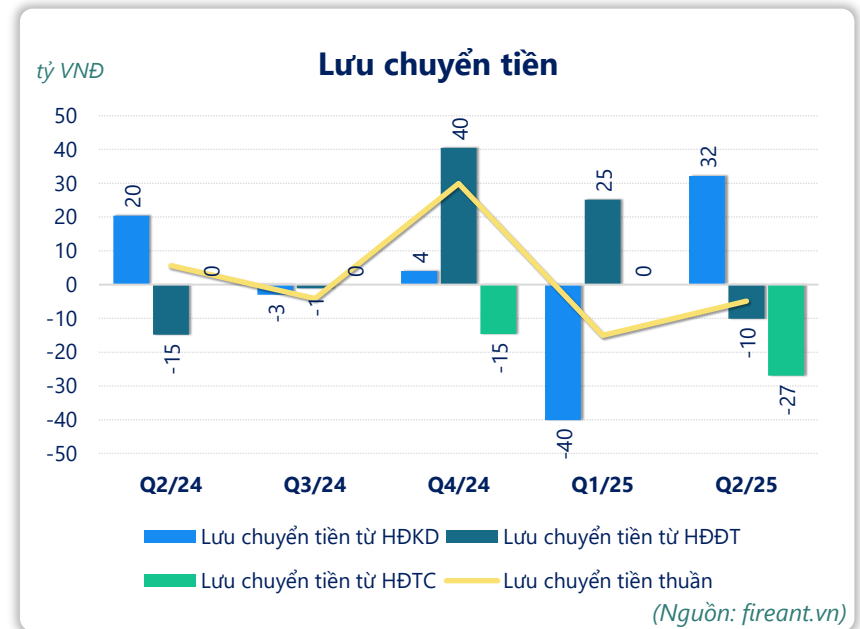
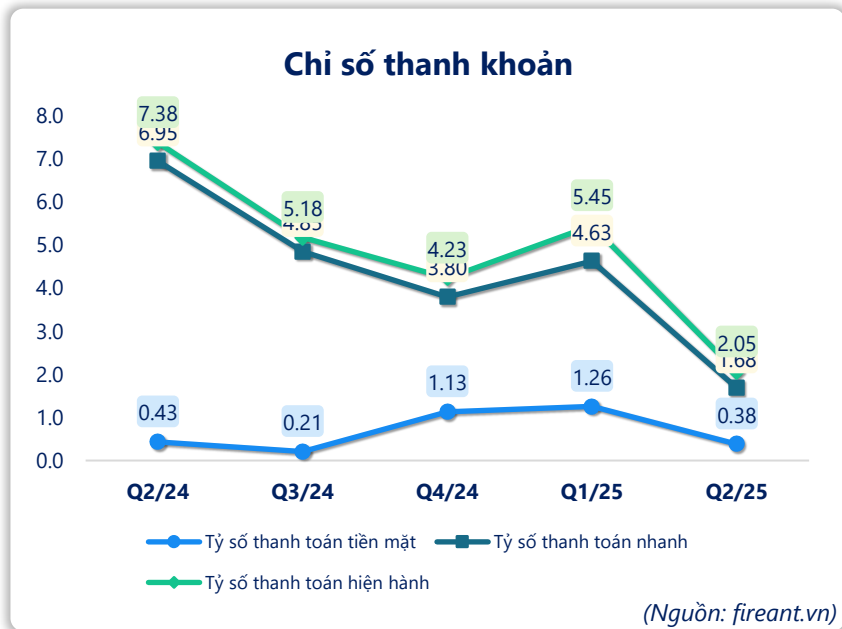
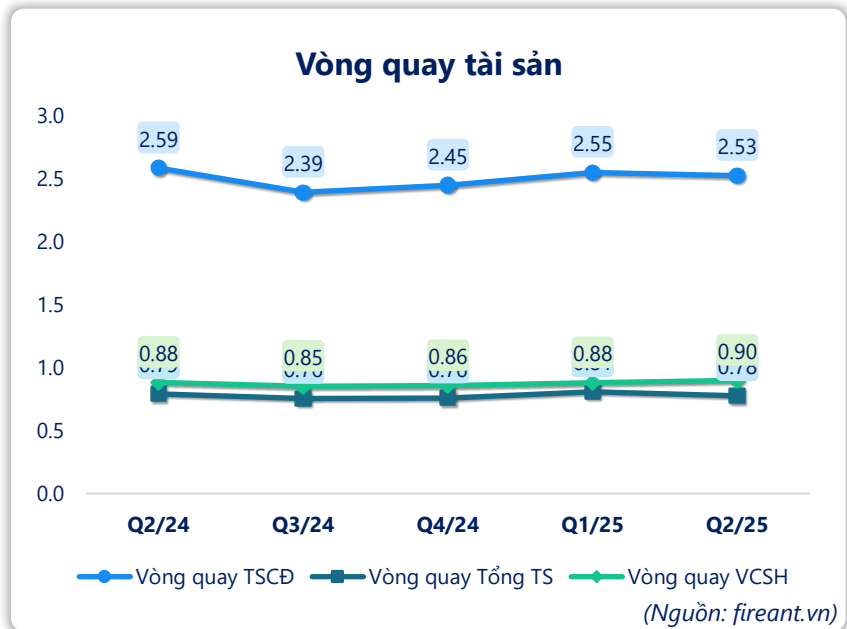
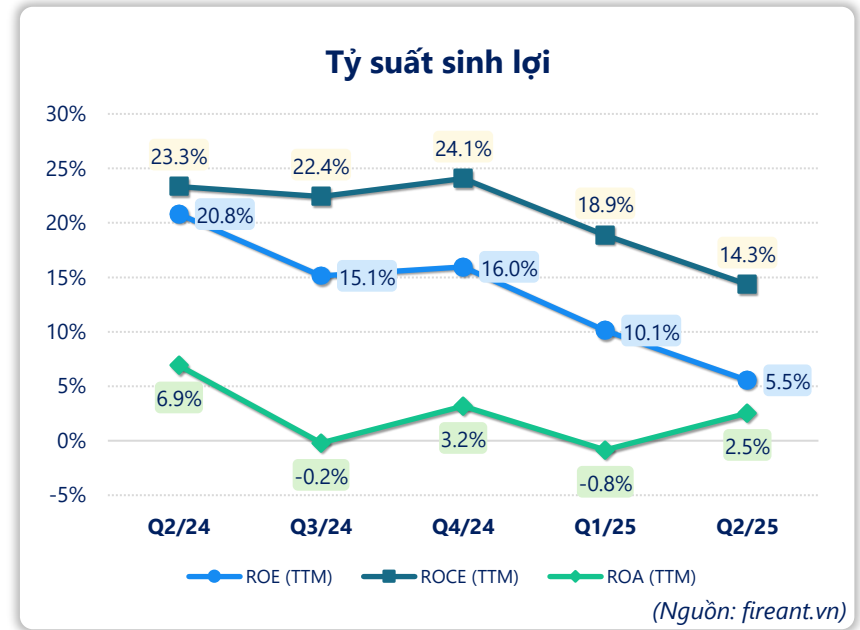
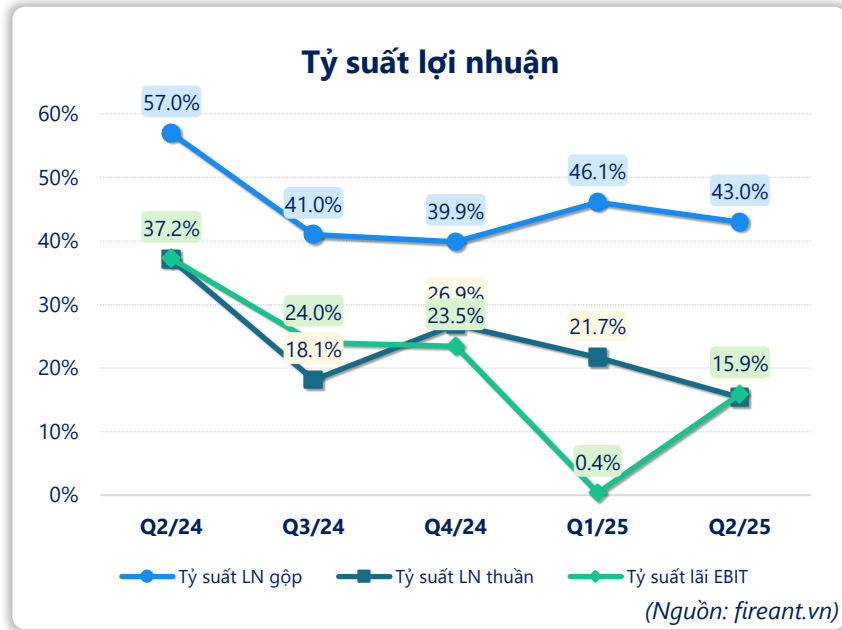
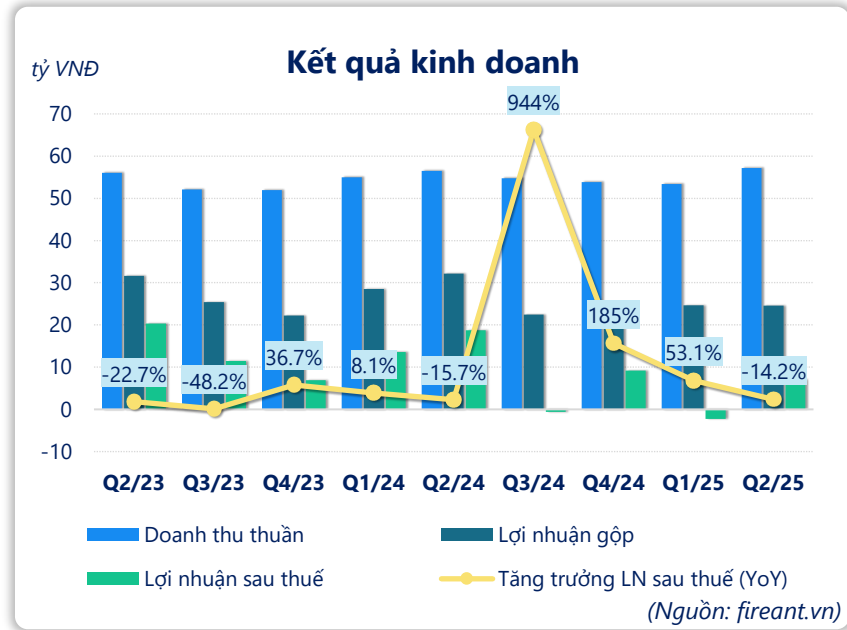


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		48,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		16,796
SL cổ phiếu LH		15,863,133
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		487
P/E		36.0
EPS		852

	YTD	1T	3T	6T
STW	-6.4%	-14.0%	-22.1%	-6.4%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	270	307	-12.2%
Tài sản ngắn hạn	96.3	142	-32.1%
Tiền và tương đương tiền	17.9	37.9	-52.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.0	65.0	-61.5%
Phải thu ngắn hạn	35.9	24.3	47.4%
Hàng tồn kho	17.4	14.5	19.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.09	0	
Tài sản dài hạn	174	166	4.9%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	98.8	96.6	2.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.44	1.68	45.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	72.1	67.1	7.5%
Tài sản dài hạn khác	0.25	0.20	24.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	47.8	34.4	39.1%
Nợ ngắn hạn	46.9	33.5	39.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.42	3.88	-12.0%
Nợ dài hạn	0.96	0.90	7.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	222	273	-18.6%
Vốn chủ sở hữu	222	273	-18.6%
Vốn điều lệ	159	159	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	56.5	54.8	53.9	53.4	57.1
Giá vốn hàng bán	24.3	32.3	32.4	28.8	32.6
Lợi nhuận gộp	32.2	22.5	21.5	24.6	24.6
Doanh thu HĐTC	0.52	1.90	10.6	0.53	0.36
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.54	5.27	8.05	6.65	8.24
Chi phí QLDN	6.19	9.14	9.56	6.92	7.89
LN thuần từ HĐKD	21.0	9.93	14.5	11.6	8.79
Lợi nhuận khác	0.06	3.23	-1.83	-11.4	0.31
LN trước thuế	21.0	13.2	12.6	0.21	9.10
Lợi nhuận sau thuế	18.8	-0.60	9.23	-2.27	7.17
LNST của CĐ cty mẹ	18.8	-0.60	9.23	-2.27	7.17

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.4	-3.04	4.07	-40.2	32.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-14.8	-1.12	40.5	25.1	-10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-14.6	0	-27.0
Tiền đầu kỳ	6.46	12.1	7.93	37.9	22.8
Lưu chuyển tiền thuần	5.63	-4.16	29.9	-15.0	-4.91
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	12.1	7.93	37.9	22.8	17.9

(Nguồn: fireant.vn)